TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **Thành phố Cần Thơ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HSST
Ngày: 23/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có **:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: bà Liêng Thị Hồng Hoa
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Liên
  2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Thu An, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa*: bà Trần Thụy Quốc Vang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2017/HSST ngày 28/6/2017 đối với bị cáo :

1. NGUYỄN HOÀI H, Sinh năm 1988

ĐKTT: không

Chỗ ở: Khu vực X, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ

Nghề nghiệp: chạy xe honda khách; Trình độ văn hóa: không biết chữ

Con ông Trần Văn K (C) và bà Nguyễn Thị Bạch H (C)

Tiền sự: ngày 18/9/2015 bị Công an quận M xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy

Tiền án: Ngày 16/7/2010 bị Tòa án nhân dân quận M xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Bị cáo tại ngoại (đang tạm đình chỉ chấp hành án) – Có mặt.

2. THẠCH S Sinh năm 1991

Trú tại: ấp Đ, xã M, huyện T, Tp. Cần Thơ

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Khơ me

Con ông Thạch S1 (S) và bà Đào Thị H (S)

Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 31/3/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 06 năm tù về tội Cố ý gây thương tích

Chấp hành án từ ngày 19/3/2016 (có mặt).

3. VŨ LONG G (Tèo), Sinh năm 1976

Trú tại: Khu vực Y, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12

Con ông Vũ Mạnh C (S) và bà Nguyễn Thị X (S)

Có vợ: Trần Thị S và 02 người con

Tiền án, tiền sự: Không

Chấp hành án từ ngày 18/7/2016 (có mặt).

* Người bị hại:

1. Trần Vũ L, sinh năm 1989 – Có mặt

2. Nguyễn Cao V, sinh năm 1997 – Vắng mặt

3. Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 – Có mặt

Cùng trú tại: ấp A, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Hồng K, sinh năm 1969 – Vắng mặt

Trú tại: Khu vực B, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ

2. Bùi Văn N, sinh năm 1957 – Có mặt

Trú tại: ấp A, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Hoài H, Thạch S nghiện ma túy đá nên khi hết tiền mua ma túy, H và S rủ nhau cùng đi trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ đêm 19/12/2015 H và S thuê Nguyễn Hồng K chở đến cầu T thuộc ấp A, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ để tìm tài sản lấy trộm.

Khi đến khu vực ngọn rạch T, H và S phát hiện trong nhà của anh Nguyễn Cao V đèn báo sạc điện thoại đang sáng nên H dùng móc (loại móc phơi quần áo) bẻ ra làm móc kéo điện thoại để lấy trộm điện thoại Samsung Galaxy SM-G630H/DS màu trắng. Lấy xong điện thoại, H vứt cây móc lại hiện trường. H và S tiếp tục tìm tài sản để lấy trộm, khi đến nhà của ông Bùi Văn N, nhìn thấy nhà phụ không khóa cửa, H và S lẻn vào lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu vàng đen, biển số 65G1-014.27 của anh Trần Vũ L và

01 xe đạp Martin màu đỏ trắng của chị Nguyễn Thị T. Khi về đến M, H điện thoại cho Vũ Long G bán chiếc xe mô tô với giá 2.800.000 đồng. H bán điện thoại được 1.000.000 đồng và bán xe đạp được 300.000 đồng (không nhớ nơi bán), sau đó chia đôi số tiền với S.

Vũ Long G mặc dù không hứa hẹn trước nhưng biết rõ xe 65G1-014.27 là do H và S trộm cắp nhưng mua và tìm nơi tiêu thụ tài sản. G điều khiển xe 65G1-014.27 đến chợ C, tỉnh A bán cho một người không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể với giá 3.700.000 đồng, trừ số tiền 2.800.000 đồng trả cho H, còn lại 900.000 đồng G tiêu xài cá nhân.

Tài sản H và S lấy trộm của anh V, chị T, anh L không thu hồi được. Tại biên bản giám định và định giá tài sản số 26/BB.HĐĐG ngày 21/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P thì chiếc xe mô tô biển số 65G1-014.27 trị giá 9.350.000 đồng, xe đạp hiệu Martin trị giá 680.000 đồng, điện thoại Samsung Galaxy SM-G360H/DS trị giá 1.350.000 đồng, tổng giá trị tài sản H và S đã lấy trộm là 11.380.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 08/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Hoài H và Thạch S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, bị cáo Vũ Long G về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo Thạch S khai nhận: tháng 12/2015 bị cáo và Nguyễn Hoài H thuê Nguyễn Hồng K chở từ M đến P tìm tài sản để trộm. Bị cáo và H đã lấy được 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 xe đạp và 01 xe mô tô hiệu Sirius. Thời điểm các bị cáo lấy tài sản vào ban đêm và không bị ai phát hiện, sau đó các bị cáo bán tài sản, chia đôi tiền để mua ma túy sử dụng. Bị cáo H và S còn thực hiện những vụ trộm cắp khác tại T, M và khi bị bắt bị cáo H đã khai nhận vụ việc trộm tại P. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, tài sản bị mất. Theo kết quả định giá, giá trị số tài sản các bị cáo đã lấy là 11.380.000 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác mà các bị

cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Vũ Long G không hứa hẹn trước nhưng ngay khi bị cáo H, S lấy được tài sản liên hệ bán xe thì bị cáo G đồng ý mua xe, chiếc xe được bị cáo G mua giá 2.800.000 đồng, sau đó đem bán lại giá 3.700.000 đồng để hưởng chênh lệch. Khi đem xe đi bán, bị cáo G biết xe không giấy tờ, không chìa khóa xe, không phải xe do bị cáo H từng sử dụng, giá trị thấp hơn so với giá trị thực của xe nên biết rõ đây là xe lấy trộm. Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo G đã phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị mức án đối với bị cáo H từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù, bị cáo S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, bị cáo G từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo H, S nghiện ma túy, muốn có tiền tiêu xài nên thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, còn bị cáo G trong vụ án này là lần đầu mua xe của bị cáo H, S lấy trộm để hưởng tiền chênh lệch tiêu xài cá nhân. Các bị cáo H, S cùng nhau đi trộm, không có sự phân công cụ thể nên có vai trò ngang nhau, và đều có tiền án chưa được xóa án tích, cần xử lý nghiêm nhằm đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo H đang bị bệnh nặng, bị cáo S là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế mà giảm nhẹ một phần hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự, người bị hại Nguyễn Cao V yêu cầu bồi thường điện thoại bằng số tiền 3.110.000 đồng, Nguyễn Thị T yêu cầu bồi thường giá trị xe đạp bằng số tiền 1.700.000 đồng, Trần Vũ L yêu cầu bồi thường xe mô tô bằng số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, mức yêu cầu bồi thường của anh V đưa ra là giá mới mua tài sản, còn khi định giá thì điện thoại trị giá 1.350.000 đồng. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu bồi thường xe đạp bằng số tiền 1.000.000 đồng. Các bị cáo đồng ý bồi thường theo mức giá trị tài sản đã được định giá. Hội đồng xét xử xem xét điều kiện tài sản đã qua sử dụng nên mức yêu cầu bồi thường của người bị hại T, L là phù hợp, đối với điện thoại của anh V cần căn cứ vào mức giá đã được Hội đồng định giá làm cơ sở bồi thường thiệt hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Hoài H, Thạch S phạm tội Trộm cắp tài sản, bị cáo Vũ Long G phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Hoài H** 01 năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 63/2016/HSST ngày 07/12/2016 của Tòa án nhân dân quận M, bản án số 160/2016/HSPT ngày 23/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, bị cáo phải chấp hành **07 năm tù.** Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án (được khấu trừ thời gian đã chấp hành án từ ngày 26/4/2016 đến ngày 10/4/2017).

Xử phạt: bị cáo **Thạch S** 01 năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 23/2016/HSST ngày 21/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện T, bản án số 63/2016/HSST ngày 07/12/2016 của Tòa án nhân dân quận M, bị cáo phải chấp hành **05 năm 06 tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 19/3/2016.

Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Vũ Long G** 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 63/2016/HSST ngày 07/12/2016 của Tòa án nhân dân quận M, bị cáo phải chấp hành **02 năm 03 tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 18/7/2016.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 608 Bộ luật dân sự năm 2005.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hoài H, Thạch S, Vũ Long G liên đới bồi thường cho Trần Vũ L số tiền 10.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hoài H, Thạch S liên đới bồi thường cho Nguyễn Cao V số tiền 1.350.000 đồng, Nguyễn Thị T số tiền 1.000.000 đồng.

Mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nH :
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- P.hồ sơ, nghiệp vụ CA TPCT;
- Sở tư pháp TPCT;

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- Công an huyện P;
- Đội CSTHAHS H.P;
- Lưu HS (2).

Liêng Thị Hồng Hoa